

SỰ THÍCH NGHI VÀ HỘI NHẬP CỦA NGƯỜI DI CƯ - MỘT TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

NGUYỄN THU VÂN*

Quá trình thích nghi và hội nhập của người di cư đến nơi ở mới là một trong những chủ đề đã được nghiên cứu khá nhiều trên thế giới. Việt Nam cũng là một quốc gia có tỷ lệ di dân nội địa cao và đã có nhiều nghiên cứu về di dân. Bài viết tổng quan các quan điểm lý thuyết chủ yếu trong nghiên cứu quá trình hội nhập và thích nghi của người di cư trên thế giới để làm cơ sở cho việc nghiên cứu sự thích nghi, khó khăn của người di cư trong thời gian tới tại Việt Nam.

Từ khóa: di cư, thích nghi, hội nhập, người di cư, cộng đồng

Nhận bài ngày: 05/11/2021; đưa vào biên tập: 06/11/2021; phản biện: 14/11/2021; duyệt đăng: 03/12/2021

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Có rất nhiều công trình nghiên cứu về di cư đã được công bố. Theo N. Levy và cộng sự (2020), trong giai đoạn 1975 - 2017 có 48.842 công trình (không tính sách) liên quan đến di dân của 44.286 tác giả trên 185 quốc gia đã được công bố. J. Hatton (2011) còn gọi đây là “thời đại nghiên cứu di dân” (age of migration studies).

Chủ đề thường được các nhà nghiên cứu quan tâm là phân tích các nguyên nhân thúc đẩy việc di cư khởi đi từ mô hình lực hút - lực đẩy của E. Ravenstein (1885); song song đó là tìm hiểu quá trình thích nghi, đồng hóa và tiếp biến văn hóa trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn (Berry, 1992). Nhiều nhà nghiên cứu đồng thuận rằng người di cư luôn gặp phải

những vấn đề về tâm lý lẫn xã hội trong quá trình thích nghi (adaptation) và hội nhập (integration), khả năng thích nghi và hội nhập vào cộng đồng mới phụ thuộc vào các yếu tố cá nhân lẫn nhóm trong quá trình di cư. Vì thế, trong nghiên cứu về quá trình thích nghi và hội nhập của người di cư, nhiều công trình đã đề cập đến các khía cạnh như sự thích nghi về mặt tâm lý, về văn hóa - xã hội và kinh tế.

2. CHIẾN LƯỢC THÍCH NGHI CỦA NGƯỜI DI CƯ

Trong lĩnh vực tâm lý học liên văn hóa (Cross-cultural psychology), các nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng có mối quan hệ chặt chẽ giữa bối cảnh văn hóa và sự phát triển về hành vi của cá nhân. Từ quy luật này, việc nghiên cứu tâm lý liên văn hóa đối với người di cư là nhằm tìm hiểu những mô thức thích nghi vào bối cảnh xã hội mới của họ cũng như những hệ

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

quả về mặt tâm lý hành vi của quá trình thích nghi ấy nơi nhóm người này. Trong hướng nghiên cứu này, J. Berry (1992, 1997) là người có đóng góp lớn. Trong công trình *Immigration, Acculturation, and Adaptation* (1997), tác giả đã đưa ra bốn chiến lược thích nghi và tiếp biến văn hóa của người di cư tùy vào việc người di cư có muốn giữ gìn bản sắc văn hóa của mình hay không và có mong muốn tạo dựng các mối quan hệ tích cực với cộng đồng tiếp nhận hay không như thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. Các chiến lược tiếp biến văn hóa

	Liệu các di sản văn hóa, đặc trưng văn hóa gốc vẫn được bảo tồn? (nơi đi)	
Liệu có tìm kiếm mối quan hệ tích cực với xã hội tiếp nhận? (nơi đến)	Có	Không
Có	Hội nhập	Đồng hóa
Không	Tách biệt	Ngoài lề hóa

Nguồn: Berry, 1997: 9-10.

- Chiến lược *đồng hóa văn hóa* (assimilation): là loại chiến lược mà ở đó, người di cư không quan tâm đến việc bảo tồn nền văn hóa gốc của mình và cố gắng tiếp nhận hoàn toàn nền văn hóa của nơi tiếp nhận. Như vậy, với chiến lược này, người di cư muốn trở thành một thành viên hoàn toàn tương đồng với các thành viên của cộng đồng mà họ di cư đến.

- Chiến lược *tách biệt* (separation): là loại chiến lược mà ở đó, người di cư vẫn tiếp tục giữ gìn các giá trị văn hóa

gốc của mình và từ chối tương tác với các giá trị, chuẩn mực văn hóa mới, tức là họ giữ khoảng cách với các giá trị, chuẩn mực văn hóa của nơi tiếp nhận.

- Chiến lược *hội nhập* (integration): là chiến lược mà người di cư vẫn giữ gìn văn hóa gốc của mình nhưng đồng thời vẫn tiếp nhận các giá trị, chuẩn mực của nền văn hóa của nơi đến.

- Chiến lược *loại trừ* (marginalization): là chiến lược mà ở đó, những người di cư từ chối duy trì các giá trị của văn hóa gốc và đồng thời cũng từ chối tiếp nhận các giá trị văn hóa mới, tức là họ chọn cách đứng ngoài lề xét về mặt văn hóa với cộng đồng mà họ di cư đến.

Nếu như ba loại chiến lược hội nhập, đồng hóa và tách biệt thường là những sự lựa chọn cố ý của các cá nhân hoặc nhóm di cư trong quá trình tiếp biến văn hóa, thì loại thứ tư, tức “ngoài lề hóa” thường là kết quả của một *sự cố* (occurrence) ngoài ý muốn của cá nhân hoặc nhóm di cư, bởi điều này xảy ra có thể là do các cá nhân hoặc nhóm di cư đã không được “xã hội hóa” (socialization) thành công ngay ở bối cảnh xã hội, văn hóa gốc của mình. Quá trình xã hội hóa là quá trình mà cá nhân được uốn nắn, được đào luyện và học hỏi theo các giá trị, chuẩn mực, khuôn mẫu hành vi của nền văn hóa và khi quá trình này diễn ra không thành công, tức là cá nhân không tiếp nhận được những điều ấy như nền văn hóa kỳ vọng. Vì, những cá nhân hoặc nhóm thuộc loại hình này thường xuyên cảm nhận tình trạng

bị gạt ra bên lề cả ở hai bối cảnh xã hội, tức xã hội gốc lẫn xã hội tiếp nhận. Dựa trên mô hình bốn chiến lược thích nghi và tiếp biến văn hóa được J. Berry đề xuất, Pham T.B. và Harris R.J. (2001) đã tiến hành nghiên cứu nhằm tìm hiểu các chiến lược thích nghi văn hóa của người di cư Việt Nam tại Mỹ. Công trình *Acculturation Strategies Among Vietnamese-Americans* trình bày mối liên hệ giữa các yếu tố: giáo dục, số năm sống tại Mỹ, mức độ gần bó với văn hóa Mỹ và văn hóa Việt Nam với các chiến lược thích nghi văn hóa tại Mỹ...

Sự thích nghi của người nhập cư không chỉ được nhìn qua sự thích nghi về mặt tâm lý mà còn là sự thích nghi về mặt văn hóa - xã hội. Nếu như sự thích nghi về mặt tâm lý bao gồm các yếu tố như sức khỏe tâm thần, cảm giác hạnh phúc và sự thỏa mãn cá nhân trong bối cảnh xã hội mới thì sự thích nghi về văn hóa - xã hội lại chú trọng đến những yếu tố bên ngoài như các kỹ năng xã hội, kỹ năng ngôn ngữ, thái độ chấp nhận sự khác biệt văn hóa, kỹ năng tương tác với người khác tại xã hội tiếp nhận. Theo những khía cạnh này, nghiên cứu của C. Ward và A. Kennedy (1993) cho thấy những chỉ báo về dân số xã hội sẽ quyết định đến “đầu ra” của sự thích nghi xã hội. Cụ thể là kết quả khảo sát 156 sinh viên Malaysia và Singapore đang cư trú tại New Zealand trong *Where's the 'Culture' in Cross-Cultural Transition? Comparative Studies of Sojourner Adjustment* cho thấy, sinh

viên tiếp thu các kỹ năng văn hóa - xã hội tại nơi ở mới tốt hơn và nhanh hơn so với những người di cư lớn tuổi khác. Giới trẻ tiếp thu các kỹ năng văn hóa mới nhanh hơn và dễ hơn có lẽ vì tầng văn hóa gốc của họ chưa đủ dày như nhóm người di cư lớn tuổi hơn.

Jasinskaja Lahti (2008) tiếp nối việc nghiên cứu thích nghi của người di cư khi công bố công trình nghiên cứu lịch đại trên một mẫu gồm 282 người nhập cư tại Phần Lan. Nghiên cứu những người từ các nước thuộc Liên bang Xô Viết cũ đến Phần Lan trong giai đoạn từ 1961 đến 1976. Cuộc nghiên cứu về những người nhập cư này tại Phần Lan kéo dài trong tám năm nhằm mục tiêu khám phá ba khía cạnh thích nghi gồm thích nghi tâm lý, thích nghi văn hóa - xã hội và thích nghi kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sau tám năm, những người nhập cư đã có sự cải thiện đáng kể ở cả ba mặt tâm lý, văn hóa - xã hội và kinh tế. Tuy nhiên, mỗi khía cạnh lại chịu tác động của những nhân tố khác nhau. Cụ thể là nữ giới, thời gian cư trú tại Phần Lan lâu, trẻ, học vấn cao thì có sự thích nghi văn hóa xã hội tốt hơn. Những người nhập cư lớn tuổi, nam giới, cư trú lâu tại Phần Lan thì hội nhập kinh tế tốt hơn. Cuối cùng, sự thích nghi tâm lý còn phụ thuộc vào yếu tố giới tính mà theo đó, nữ giới gặp phải nhiều vấn đề tâm lý hơn so với nam giới.

Sự thích nghi tâm lý và thích nghi văn hóa xã hội cũng được Maydell-Stevens và đồng sự (2007) dựa trên

mô hình tổng quát về tiếp biến văn hóa của Ward và Kennedy (1993) và các chiến lược tiếp biến văn hóa của Berry (1992, 1997) để tiến hành nghiên cứu định tính đối với những người nhập cư gốc Nga tại New Zealand. Qua cuộc nghiên cứu này cho thấy khi mới đến sinh sống ở vùng đất mới những người nhập cư đều gặp phải những vấn đề về tâm lý. Nhưng sau đó, những người nhập cư nào chọn chiến lược hội nhập (integration) thì thành công và thỏa mãn hơn đối với sự thích nghi của mình hơn những người chọn chiến lược tách biệt (separation). Nhưng nhìn chung, những nhân tố ảnh hưởng đến tiến trình hội nhập với xã hội mới là động cơ di cư, quan niệm về cái được và cái mất của việc di cư và việc xác định căn tính văn hóa (cultural identity) của bản thân người nhập cư.

3. MÔ HÌNH THÍCH NGHI PHÂN MẢNG

Mô hình đồng hóa phân mảnh (segmented assimilation model) do A. Portes và M. Zhou đề xuất vào năm 1993 cũng là một mô hình lý thuyết đáng chú ý trong nghiên cứu về sự hội nhập, thích nghi của người di cư. Mô hình này dựa trên sự thừa nhận rằng xã hội đương đại là xã hội đa dạng về mặt văn hóa, với những quốc gia đa sắc tộc như Mỹ chẳng hạn, thì sự phân mảnh về mặt văn hóa lại càng rõ rệt hơn, vì thế, mỗi nhóm người di cư sẽ có con đường hội nhập khác nhau tùy vào nền văn hóa của cộng đồng tiếp nhận. Các con đường hội nhập hay đồng hóa của người di cư vào

cộng đồng tiếp nhận bao gồm đồng hóa đi lên hay đồng hóa theo đường thẳng (upward assimilation), đồng hóa đi xuống (downward assimilation) hoặc là tiếp biến văn hóa có chọn lọc (selective acculturation). Thích nghi theo kiểu đi lên hay đường thẳng của người di cư là nói đến việc họ nỗ lực thích nghi và hội nhập vào nền văn hóa trung lưu của nơi tiếp nhận. Thích nghi và hội nhập kiểu đi xuống chỉ hiện tượng người di cư hội nhập, tiếp biến văn hóa với tầng lớp nghèo ở đô thị và điều này đưa họ vào khuynh hướng di động đi xuống xét về mặt địa vị xã hội. Kiểu thích nghi và hội nhập mang tính chọn lọc là hiện tượng người di cư cố gắng giữ gìn các giá trị văn hóa gốc của họ và chỉ hội nhập về mặt kinh tế với cộng đồng tiếp nhận họ mà thôi. Để nhận diện cách thức thích nghi và hội nhập, các nhà nghiên cứu thường chọn thể hệ nhập cư thứ hai như là khách thể nghiên cứu vì cách thức hội nhập của nhóm nhập cư thể hệ thứ hai là kết quả của sự lựa chọn nơi thể hệ nhập cư thứ nhất. Lý thuyết này cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của vốn cá nhân (human capital) của người di cư (chẳng hạn như trình độ học vấn và thu nhập), phương thức tiếp nhận của xã hội mà người di cư di chuyển đến (các chính sách dành cho người di cư chẳng hạn) và cấu trúc gia đình của người di cư (ví dụ như gia đình đơn thân hay gia đình hạt nhân) sẽ quyết định đến con người hội nhập vào xã hội mới nơi những người di cư thể hệ thứ hai (Waters et al, 2010).

Dựa trên quan điểm lý thuyết về sự thích nghi của người di cư này, Portes và đồng sự (2009) đã nghiên cứu quá trình thích nghi vào xã hội Mỹ của người nhập cư thuộc thể hệ thứ hai. Kết quả cho thấy sự thích nghi của thể hệ nhập cư thứ hai và thứ ba phụ thuộc vào vốn cá nhân, như: tầng lớp xã hội, học vấn; cấu trúc gia đình (family composition); như sự gắn bó với cộng đồng, số lượng thành viên; loại hoạt động nghề nghiệp.

4. MẠNG XÃ HỘI, VỐN XÃ HỘI VÀ SỰ THÍCH NGHI VĂN HÓA CỦA NGƯỜI DI CƯ

Một hướng nghiên cứu khác về việc thích nghi văn hóa đó là xem xét ảnh hưởng của mạng xã hội (social networking) đến sự hội nhập xã hội của người nhập cư. Theo S. Croucher (2011) thì trong quá trình thích nghi văn hóa, việc sử dụng mạng xã hội sẽ tác động đến các mối quan hệ tương tác giữa người nhập cư với nền văn hóa phổ quát của nơi tiếp nhận mà theo đó, sự gia tăng trong việc sử dụng mạng xã hội, các phương tiện truyền thông của nền văn hóa tiếp nhận sẽ rút ngắn được khoảng cách tiếp biến văn hóa. Đồng thời, việc sử dụng mạng xã hội cũng góp phần củng cố truyền thông trong nội bộ nhóm của người di cư. Như vậy mạng xã hội vừa thúc đẩy sự hội nhập với cộng đồng mới vừa giúp duy trì các mối quan hệ nội cộng đồng của người di cư. Lối tiếp cận lý thuyết này đã được H. Zaw (2018) sử dụng trong nghiên cứu về hội nhập văn hóa - xã

hội của các sinh viên quốc tế tại Trung Quốc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhờ việc sử dụng mạng xã hội mà các sinh viên quốc tế đã nhanh chóng vượt qua được cú sốc văn hóa (culture shock) khi đến Trung Quốc học tập, vì qua phương tiện truyền thông họ đã hiểu được nhiều nét văn hóa, lối sống của quốc gia này trước khi đến đây học tập; cũng nhờ mạng xã hội mà các sinh viên quốc tế này vẫn duy trì được các mối liên hệ với gia đình và nắm bắt các thông tin liên quan đến quốc gia xuất cư.

Nghiên cứu về mối liên hệ giữa vốn xã hội (social capital) và sự thích nghi với nền văn hóa mới của người nhập cư cũng là một hướng nghiên cứu đáng chú ý. Vốn xã hội đặc biệt hữu ích đối với những người di cư có vốn cá nhân thấp trong quá trình hội nhập vào xã hội mới. Quả vậy, các mối tương tác xã hội của người di cư với người đồng hương, những người bản xứ, các tổ chức chính phủ lẫn phi chính phủ tại cộng đồng mới tạo nên nguồn vốn xã hội cho người di cư. Điều này đặc biệt quan trọng nơi những nhóm di cư có vốn cá nhân thấp vì chính vốn xã hội sẽ bù đắp cho sự khiếm khuyết này và giúp cho người di cư dễ dàng hội nhập vào cộng đồng mới về tất cả các khía cạnh mà đặc biệt là khía cạnh kinh tế và xã hội (World Bank, 2000). Vốn xã hội không chỉ giúp giải thích quá trình hội nhập của người di cư mà còn giúp trả lời cho câu hỏi về sự khác biệt trong mức độ thành công của việc hội nhập nơi những nhóm di

cư khác nhau mà theo đó, mức độ hội nhập vào cộng đồng mới của các nhóm di cư sẽ phụ thuộc vào vốn xã hội cao hay thấp của những nhóm này.

Dựa trên hướng nghiên cứu này, M. Potocky-Tripodi (2004) đã tiến hành nghiên cứu mối quan hệ giữa vốn xã hội và việc hội nhập kinh tế nơi những người di cư gốc Mỹ Latinh và Châu Á tại Miami và San Diego (Mỹ) để kiểm chứng các khía cạnh của vốn xã hội nơi những người di cư này, như các mạng lưới xã hội, cơ cấu sắc tộc tại nơi làm việc, những tương trợ xã hội chính thức và phi chính thức mà họ nhận được tại cộng đồng tiếp nhận ảnh hưởng ra sao đến sự hội nhập kinh tế của họ. Kết quả cho thấy các khía cạnh ấy của vốn xã hội đều có tác động đến sự hội nhập của những người di cư ở những mức độ khác nhau. Cũng trong hướng phân tích về mối liên hệ giữa vốn xã hội và sự hội nhập của người di cư, hai tác giả M. Zhou và Bankston (1994) đã thực hiện cuộc nghiên cứu về sự ảnh hưởng của vốn xã hội đối với sự thích nghi của người nhập cư Việt Nam thuộc thế hệ thứ hai tại New Orleans (Mỹ). Kết quả nghiên cứu của hai tác giả này cho thấy sự gắn bó với các giá trị truyền thống của gia đình, sự dấn thân vào các hoạt động của cộng đồng cùng dân tộc có ảnh hưởng, có ý nghĩa đến định hướng học tập và thành tích học tập của các cá nhân nhập cư Việt thế hệ thứ hai. Các tác giả đã đi đến kết luận rằng vốn xã hội là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến sự

thích nghi, hội nhập thành công của người nhập cư trẻ hơn là các yếu tố thuộc vốn con người truyền thống (traditional human capital).

Khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa mạng lưới xã hội, vốn xã hội với quá trình hội nhập của người di cư, các nhà nghiên cứu (Kindler, Ratcheva & Piechowska, 2015) đã đúc kết ra những điểm như sau:

- Thứ nhất, việc tạo dựng, sử dụng và ý nghĩa của vốn xã hội không chỉ khác nhau giữa người di cư và người bản xứ mà còn khác nhau trong nội bộ các nhóm di cư tùy thuộc vào tình trạng pháp lý và học vấn của họ.

- Thứ hai, vốn xã hội co cụm (bonding social capital) cũng có lợi cho quá trình hội nhập của người di cư ở cấp độ địa phương, cộng đồng. Loại vốn xã hội này giúp cho người di cư thiết lập được vốn xã hội bắt cầu (bridging social capital) – loại vốn giúp họ hội nhập nhanh chóng hơn vào cộng đồng mới.

- Thứ ba, sự hình thành và phát triển của vốn xã hội phụ thuộc vào tuổi tác, thế hệ và các mạng lưới xã hội của người di cư. Mạng lưới xã hội của người di cư là nguồn làm gia tăng vốn xã hội và giúp mở rộng sự hội nhập vượt ngoài cộng đồng hẹp mà họ di cư đến.

- Thứ tư, đối với những người di cư mà mạng lưới xã hội chỉ bó hẹp trong không gian của nơi tiếp nhận thì giữa họ, không có sự khác biệt nhiều về vốn xã hội.

- Thứ năm, các chính sách hội nhập của nơi tiếp nhận người di cư không nên cố gắng thúc đẩy những mối liên kết nội nhóm mà nên thúc đẩy các mối liên hệ liên nhóm giữa các nhóm di cư.

- Thứ sáu, việc tham gia các tổ chức tại cộng đồng tiếp nhận làm tăng khả năng hội nhập của người di cư.

5. TIẾP BIẾN VĂN HÓA CỦA NGƯỜI DI CƯ

Một hướng tiếp cận lý thuyết khác không thể bỏ qua khi nghiên cứu về quá trình hội nhập của người di cư đó là tiếp cận về sự tiếp biến văn hóa (acculturation) của họ tại cộng đồng tiếp nhận. Tiếp biến văn hóa là hiện tượng xảy ra khi hai nhóm người thuộc hai nền văn hóa khác nhau tiếp xúc với nhau. Theo định nghĩa của nhóm tác giả R. Redfield, R. Linton và M. Herskovits (1936): “Tiếp biến văn hóa là toàn bộ các hiện tượng nảy sinh từ sự tiếp xúc liên tục và trực tiếp giữa các nhóm cá nhân thuộc các nền văn hóa khác nhau và điều đó dẫn đến những thay đổi trong các mẫu hình (patterns) văn hóa ban đầu của một hoặc của hai nhóm” (dẫn theo Cuche, 2016: 134). Linton, Redfiel và Herskovits cũng lưu ý rằng, trong việc nghiên cứu quá trình tiếp biến văn hóa, nhà nghiên cứu không được phép lẫn lộn với quá trình biến đổi văn hóa (cultural change), bởi vì sự biến đổi văn hóa có thể nảy sinh từ sự biến đổi nội tại của các nhóm chứ không nhất thiết đến từ sự tiếp biến văn hóa. Đồng thời cũng không được đồng

nhất tiếp biến văn hóa với sự đồng hóa văn hóa bởi vì sẽ khó xảy ra trường hợp một nhóm nào đó làm mất hoàn toàn các nét văn hóa gốc của mình để tiếp nhận hoàn toàn nền văn hóa khác. Như vậy, sẽ ít có khả năng các nhóm di cư rũ bỏ toàn bộ các nét văn hóa gốc của mình để hội nhập hoàn toàn vào văn hóa của cộng đồng tiếp nhận.

Nghiên cứu về sự tiếp biến văn hóa nơi người di cư thường được phân thành hai loại, đó là sự tiếp biến văn hóa ở cấp độ nhóm và sự tiếp biến văn hóa ở cấp độ cá nhân. T. Graves (1967) cho rằng, việc phân thành hai cấp độ nghiên cứu như vậy rất quan trọng, bởi lẽ nó sẽ giúp đánh giá được mối quan hệ qua lại giữa hai nhóm biến số trong tiếp biến văn hóa, là nhóm biến số thuộc cấp độ nhóm/cộng đồng và nhóm biến số thuộc cá nhân; thứ hai là vì sự tiếp biến văn hóa giữa nhóm và cá nhân có thể khác nhau, tức là có thể xét ở cấp độ nhóm/cộng đồng thì sự tiếp biến văn hóa diễn ra sâu sắc và ngược lại, sự tiếp biến văn hóa nơi cá nhân lại không diễn ra ở cùng mức độ. Đối với M. Gibson (2001), để có thể hiểu được trải nghiệm tiếp biến văn hóa của người di cư, nhà nghiên cứu cần phải tìm hiểu tình trạng kinh tế, văn hóa, xã hội của người di cư khi họ còn ở nơi ở gốc, tức tình trạng trước khi xuất cư của họ bao gồm các mối quan hệ xã hội, trình độ học vấn, nghề nghiệp và tay nghề, cũng như những lý do khiến họ xuất cư.

6. KẾT LUẬN

Vấn đề hội nhập và thích nghi của người di cư vào bối cảnh xã hội mới là một trong những chủ đề nghiên cứu quan trọng liên quan đến hiện tượng di cư. Dù là di cư nội địa hay di cư quốc tế, những người di cư luôn phải đối diện với những thách thức và khó khăn trong quá trình hội nhập và thích nghi với môi trường sống mới. Các nghiên cứu về việc hội nhập và thích nghi được thực hiện đã đề xuất nhiều hướng tiếp cận lý thuyết khác nhau nhằm có thể nhận diện một cách rõ nhất về sự hội nhập và thích nghi của người di cư, những khía cạnh quan

trọng nào cần được phân tích, đo lường khi nghiên cứu quá trình hội nhập và thích nghi của người di cư.

Từ các lối tiếp cận lý thuyết trên, việc nghiên cứu về sự thích nghi và hội nhập của người di cư vào cộng đồng tiếp nhận có lẽ cần chú ý đến ba nhóm nhân tố tác động. Đó là nhóm nhân tố thuộc về cá nhân người di cư, như tuổi tác, giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn; nhóm nhân tố cộng đồng gần, như đặc điểm dân cư, nghề nghiệp, thái độ của cộng đồng tiếp nhận; và nhóm nhân tố thuộc khía cạnh vĩ mô là chính sách về di cư của nhà nước. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Berry, J. W. 1992. "Acculturation and Adaptation in a New Society". *International Migration*, 30, pp. 69-85. doi:10.1111/j.1468-2435.1992.tb00776.x.
2. Berry, J. W. 1997. "Immigration, Acculturation, and Adaptation". *Applied Psychology*, 46, pp. 5-34. doi:10.1111/j.1464-0597.1997.tb01087.x.
3. Croucher, S. M. 2011. "Social Networking and Cultural Adaptation: A Theoretical Model". *Journal of International and Intercultural Communication*, 4, pp. 259-264. <https://doi.org/10.1080/17513057.2011.598046>.
4. Cuhe, D. 2016. *Khái niệm văn hóa trong khoa học xã hội*. Lê Minh Tiến dịch, 2020. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
5. Gibson, M.A. 2001. "Immigrant Adaptation and Patterns of Acculturation". *Human Development*, 44, pp. 19-23. doi: 10.1159/000057037.
6. Graves, T.D. 1967. "Psychological Acculturation in a Tri-Ethnic Community". *Southwestern Journal of Anthropology* 23, no. 4, pp. 337-350.
7. Hatton, J.P. 2011. *How and Why Did MARS Facilitate Migration Control? Understanding the Implication of Migration and Refugee Studies (MARS) With the Restriction of Human Mobility by UK State Agencies*. Oxford: PhD Thesis.
8. Hollifield, J. F. 2020. "Is Migration a Unique Field of Study in Social Sciences? A Response to Levy, Pisarevskaya, and Scholten". *Comparative Migration Studies*, 8(1). <https://doi.org/10.1186/s40878-020-00192-3>.
9. Kindler, M., Ratcheva, V & Piechowska, M. 2015. "Social Networks, Social Capital and Migrant Integration at Local Level". IRiS Working Paper Series Np. 6/2015. <https://www.birmingham.ac.uk/Documents/college-social-sciences/social-policy/iris/201>

5/working-paper-series/IRiS-WP-6-2015.pdf, truy cập ngày 11/9/2021.

10. Lahti, Jasinskaja, I. 2008. "Long - Term Immigrant Adaptation: Eight - Year Follow-up Study among Immigrants from Russia and Estonia Living in Finland". *International Journal of Psychology*, 43:1, pp. 6-18, DOI: 10.1080/00207590701804271.
11. Levy, N., Pisarevskaya, A. & Scholten, P. 2020. "Between Fragmentation and Institutionalisation: The Rise of Migration Studies as a Research Field". *Comparative Migration Studies*, 8, 24. <https://doi.org/10.1186/s40878-020-00180-7>.
12. Maydell-Stevens, E., Masgoret, A-M & Ward, T. 2007. "Problems of Psychological and Sociocultural Adaptation among Russian-Speaking Immigrants in New Zealand". <https://www.msd.govt.nz/about-msd-and-our-work/publications-resources/journals-and-magazines/social-policy-journal/spj30/30-problems-psychological-sociocultural-adaptation-russian-immigrants-p178-198.html>, truy cập ngày 11/9/2021.
13. Pham, T.B., & Harris, R.J. 2001. "Acculturation Strategies among Vietnamese-Americans". *International Journal of Intercultural Relations*, 25(3), pp. 279-300. [https://doi.org/10.1016/S0147-1767\(01\)00004-9](https://doi.org/10.1016/S0147-1767(01)00004-9).
14. Portes, A., & Zhou, M. 1993. "The New Second Generation: Segmented Assimilation and Its Variants". *Annals of the American Academy of Political and Social Sciences* 530, pp. 74-96.
15. Portes, A., Fernández-Kelly, P., & Haller, W. 2009. "The Adaptation of the Immigrant Second Generation in America: Theoretical Overview and Recent Evidence". *Journal of Ethnic and Migration Studies*, 35(7), pp. 1077-1104. <https://doi.org/10.1080/13691830.903006127>.
16. Potocky-Tripodi, M. 2004. "The Role of Social Capital in Immigrant and Refugee Economic Adaptation". *Journal of Social Service Research*, 31:1, pp. 59-91, DOI: 10.1300/J079v31n01_04.
17. Ravenstein, E. 1885. "The laws of Migration". *Journal of the Statistical Society of London*, 48(2), pp. 167-235.
18. Ward, C., & Kennedy, A. 1993. Where's the "Culture" in Cross-Cultural Transition?: Comparative Studies of Sojourner Adjustment". *Journal of Cross-Cultural Psychology*, 24(2), pp. 221-249. <https://doi.org/10.1177/0022022193242006>.
19. Waters, M.C., Tran, V.C., Kasinitz, P., & Mollenkopf, J. H. 2010. "Segmented Assimilation Revisited: Types of Acculturation and Socioeconomic Mobility in Young Adulthood". *Ethnic and Racial Studies*, 33(7), pp. 1168-1193. <https://doi.org/10.1080/01419871003624076>.
20. World Bank. 2000. "Sources of Social Capital". Available: <http://www.worldbank.org/poverty/scapital/sources/index.htm>, truy cập ngày 11/9/2021.
21. Zaw, H. 2018. "The Impact of Social Media on Cultural Adaptation Process: Study on Chinese Government Scholarship Students". *Advances in Journalism and Communication*, 6, pp. 75-89. doi: 10.4236/ajc.2018.63007.
22. Zhou, M., & Bankston, C.L. 1994. "Social Capital and the Adaptation of the Second Generation: The Case of Vietnamese Youth in New Orleans". *International Migration Review*, 28(4), pp. 821-845. <https://doi.org/10.1177/019791839402800409>.